

Phụ lục 1

Bảng 1: Miễn dịch cơ bản trẻ em <1 tuổi trong tháng 6 năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TTYT ngày tháng 8 năm 2026 của TTYT Phù Mỹ)

- Bảng 1: Miễn dịch cơ bản trẻ em <1 tuổi trong 6 tháng năm 2026

TT	Vắc xin	Phù Mỹ		An Lương		Bình Dương		PM Đông		PM Tây		PM Nam		PM Bắc		Tổng	Tỷ lệ %
		số trẻ tiêm đc	Tỷ lệ %	số trẻ tiêm đc	Tỷ lệ %	số trẻ tiêm đc	Tỷ lệ %	số trẻ tiêm đc	Tỷ lệ %	số trẻ tiêm đc	Tỷ lệ %	số trẻ tiêm đc	Tỷ lệ %	số trẻ tiêm đc	Tỷ lệ %		
1	BCG	140	50,90	130	41,80	99	60,00	145	40,27	64	45,71	74	37,00	110	45,83	762	45,06
2	VGB	139	50,54	126	40,51	99	60,00	133	36,94	63	45,00	73	36,50	109	45,41	742	43,87
3	Hib3	109	39,63	135	43,40	97	58,78	149	41,38	75	53,57	83	41,50	102	42,50	750	44,35
4	OPV3	78	28,36	125	40,19	88	53,33	133	36,94	59	42,14	83	41,50	99	41,25	665	39,32
5	IPV1	147	53,45	125	40,19	110	66,66	167	46,38	75	53,57	84	42,00	100	41,67	808	47,78
6	IPV2	103	37,45	163	52,41	100	60,60	145	40,27	60	42,86	61	30,50	90	37,50	722	42,69
7	Đủ IPV	103	37,45	163	52,41	100	60,60	145	40,27	60	42,86	61	30,50	90	37,50	722	42,69
8	Sởi	114	41,45	152	48,87	90	54,54	146	40,55	61	43,57	71	35,50	106	44,16	740	43,76
9	TCĐĐ	114	41,45	152	48,87	90	54,54	146	40,55	61	43,57	71	35,50	102	42,50	736	43,52
10	BVUVSS	140	50,90	130	41,80	99	60,00	145	40,27	64	45,71	73	36,50	109	45,41	760	44,94
11	Đủ Mũi Rota	124	45,09	145	46,62	87	52,72	152	42,22	76	54,29	84	42,00	109	45,41	777	45,94

Bảng 2: Kết quả tiêm chủng cho PNCT UV2+ trong 6 tháng năm 2026

TT	Địa phương	Tổng số	Phụ nữ có thai						
			UV1	UV2	UV3	UV4	UV5	Tổng UV2 đến UV5	Tỷ lệ (%)
1	Xã Phù Mỹ	280	67	76	48	3	1	128	45,71
2	Xã An Lương	311	31	35	54	37	4	130	41,80
3	Xã Bình Dương	165	21	37	30	16	6	89	53,94
4	Xã Phù Mỹ Đông	365	41	59	56	29	8	152	41,64
5	Phù Mỹ Tây	140	12	24	22	5	2	53	37,86
6	Phù Mỹ Nam	203	28	28	23	14	3	68	33,50
7	Phù Mỹ Bắc	240	30	33	39	15	4	91	37,92
Cộng dồn		1.704	230	292	272	119	28	711	41,73

Bảng 3: Kết quả tiêm chủng cho trẻ em (18 tháng tuổi) trong 6 tháng năm 2026

TT	Địa phương	Trẻ 18 tháng	Tiêm nhắc Sởi 2 & DPT4				Tiêm vắc xin Viêm não Nhật bản B						
			Tiêm được sởi-rubella		Tiêm được DPT		Tiêm mũi 1 và 2				Tiêm mũi 3		
			Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Số đối tượng	M1	M2	Tỷ lệ (%)	Số đối tượng	M3	Tỷ lệ (%)
1	Xã Phù Mỹ	293	119	40,61	113	38,57	293	118	119	40,61	283	87	30,74
2	Xã An Lương	311	157	50,48	161	51,77	311	155	156	50,16	311	153	49,20
3	Xã Bình Dương	165	104	63,03	115	69,70	165	88	91	55,15	165	88	53,33
4	Xã Phù Mỹ Đông	365	190	52,05	195	53,42	360	158	156	43,33	380	149	39,21
5	Phù Mỹ Tây	140	78	55,71	73	52,14	140	60	64	45,71	130	62	47,69
6	Phù Mỹ Nam	200	92	46,00	98	49,00	195	76	76	38,97	205	60	29,27
7	Phù Mỹ Bắc	275	108	39,27	106	38,55	240	91	90	37,50	275	92	33,45
Cộng dồn		1.749	848	48,48	861	49,23	1.704	746	752	44,13	1.749	691	39,51

Phụ lục 2
Tình hình HIV/AIDS

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TTYT ngày tháng 8 năm 2026 của TTYT Phù Mỹ)

S T T	Địa phương	Tổng số trường hợp nhiễm HIV		Số trường hợp tử vong		Số trường hợp HIV còn sống					Số hiện mắc AIDS	Số trường hợp nhiễm HIV hiện điều trị ARV
						Số trường hợp không xác định/ mất dấu		Số trường hợp hiện sống tại địa phương		Tổng cộng		
		Ghi nhận mới trong kỳ báo cáo	Số tích lũy	Ghi nhận mới trong kỳ báo cáo	Số tích lũy	Ghi nhận mới trong kỳ báo cáo	Số tích lũy	Ghi nhận mới trong kỳ báo cáo	Số tích lũy			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=(6+8)	10	11
1	Xã An Lương	0	11	0	7	0	0	0	4	4	1	4
2	Xã Bình Dương	0	16	0	11	0	1	0	4	5	0	4
3	Xã Phù Mỹ	0	25	0	11	0	2	0	12	14	1	12
4	Xã Phù Mỹ Bắc	0	22	0	10	0	0	0	12	12	4	12
5	Xã Phù Mỹ Đông	0	26	0	11	0	0	0	15	15	3	14
6	Xã Phù Mỹ Nam	0	9	0	2	0	0	0	7	7	0	7
7	Xã Phù Mỹ Tây	0	9	0	2	0	2	0	5	7	1	5
Tổng cộng		0	118	0	54	0	5	0	59	64	10	58

Phụ lục 3

Số liệu chi tiết về công tác Dân số tháng 7/2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TTYT ngày tháng 8 năm 2026 của TTYT Phù Mỹ)

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong tháng 5	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay 2026	Năm trước 2025
1	Số phụ nữ đẻ	Người	137	761	673
2	Số trẻ sinh ra	Người	137	769	679
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	<i>- Trẻ giới tính Nữ</i>	<i>Người</i>	72	370	315
2.2	<i>- Trẻ là con thứ 3 trở lên</i>	<i>Người</i>	25	165	153
3	Số chết	Người	80	542	554
	<i>Trong đó: Nữ</i>	<i>Người</i>	46	265	261
4	Số chết dưới 1 tuổi	Người	0	0	1
	<i>Trong đó: Nữ</i>	<i>Người</i>	0	0	0
5	Số chết dưới 5 tuổi	Người	1	2	0
	<i>Trong đó: Nữ</i>	<i>Người</i>	1	1	0
6	Số người mới thực hiện BPTT, trong đó:	Người	194	8.786	8.471
6.1	Đặt dụng cụ tử cung	Người	104	536	622
6.2	Thuốc viên	Người	28	2.951	2.831
6.3	Thuốc tiêm	Người	25	1.112	1.092
6.4	Bao cao su	Người	26	4.136	3.896
6.5	Triệt sản	Người	7	39	19
6.6	Thuốc cấy	Người	4	12	11
7	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh	%	35,06	33,87	21,95

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong tháng 5	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay 2026	Năm trước 2025
7.1	Tổng số phụ nữ mang thai	Người	77	623	565
7.2	Số phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh	Người	27	211	124
8	Trẻ sơ sinh được sàng lọc	Trẻ	38	136	29
9	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai tính trên 100 bé gái)	Nam/100 Nữ	90,28	107,84	115,56
10	Ước tính số con trung bình của 01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (Số liệu này Báo cáo theo năm)	Con			
11	Các hoạt động truyền thông, tư vấn; tập huấn, đào tạo liên tục; giám sát/ điều tra do đơn vị tổ chức				
11.1	Số lần tổ chức truyền thông tư vấn	Lần	34	150	165
	Số lượt người được truyền thông, tư vấn	Lượt	69	300	3299
11.2	Số lớp tập huấn, đào tạo liên tục	Lớp	0	0	1
	Chuyên đề... (liệt kê từng chuyên đề)	Lớp	0	0	1
	Số lượng học viên (theo từng chuyên đề)	Người	0	0	1
11.3	Số lượt giám sát, điều tra	Lượt	0	0	1
	Tại tuyến xã và cộng đồng	Lượt	0	0	0
12	Phân tích chi tiết mục 2 (Số trẻ sinh ra) theo địa bàn	Người			
1	Xã Phù Mỹ	Người	16	82	82
2	Xã An Lương	Người	32	170	142
3	Xã Bình Dương	Người	22	116	91
4	Xã Phù Mỹ Đông	Người	35	183	160

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện trong tháng 5	Lũy kế từ đầu năm	
				Năm nay 2026	Năm trước 2025
5	Xã Phù Mỹ Tây	Người	9	55	45
6	Xã Phù Mỹ Nam	Người	5	67	73
7	Xã Phù Mỹ Bắc	Người	18	96	86
	TỔNG CỘNG	Người	137	769	679
13	Phân tích chi tiết mục 2.2 (Trẻ là con thứ 3 trở lên) theo địa bàn				
1	Xã Phù Mỹ	Người	2	17	13
2	Xã Mỹ Chánh	Người	5	34	33
3	Xã Bình Dương	Người	4	18	12
4	Xã Phù Mỹ Đông	Người	8	45	41
5	Xã Phù Mỹ Tây	Người	1	9	7
6	Mỹ Châu	Người	2	19	23
7	Xã Phù Mỹ Bắc	Người	3	23	24
	TỔNG CỘNG	Người	25	165	153